

CƠ SỞ TÍNH HỆ SỐ PHÂN BỐ CHO XÃ, PHƯỜNG THEO TIÊU CHÍ QUY MÔ DÂN SỐ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Xã, phường	Dân số (người)	Tỷ trọng dân số	Điểm dân số	Ghi chú
A	B	I	$2 = (1 / \text{tổng dân số}) \times 100\%$	$3 = 2 \times 100 \text{ điểm}$	4
1	Phường Bạc Liêu	93.463	3,5855%	3,5855	Nhóm trên 80.000 dân: Hds = 200 điểm
2	Phường Tân Thành	83.758	3,2132%	3,2132	
3	Phường An Xuyên	81.303	3,1190%	3,1190	
4	Phường Giá Rai	71.149	2,7295%	2,7295	Nhóm từ 50.000 dân đến dưới 80.000 dân: Hds = 160 điểm
5	Xã Hòa Bình	65.975	2,5310%	2,5310	
6	Xã Lương Thế Trân	62.942	2,4146%	2,4146	
7	Xã Trần Văn Thời	55.897	2,1444%	2,1444	
8	Xã Cái Nước	54.397	2,0868%	2,0868	
9	Xã Phong Thạnh	53.912	2,0682%	2,0682	
10	Xã Vĩnh Mỹ	52.287	2,0059%	2,0059	
11	Phường Lý Văn Lâm	50.684	1,9444%	1,9444	
12	Xã Hồng Dân	50.194	1,9256%	1,9256	
13	Xã Trí Phải	49.770	1,9093%	1,9093	Nhóm từ 30.000 dân đến dưới 50.000 dân: Hds = 120 điểm
14	Xã Phước Long	47.281	1,8138%	1,8138	
15	Phường Hòa Thành	47.167	1,8095%	1,8095	
16	Xã Đá Bạc	47.069	1,8057%	1,8057	
17	Phường Láng Tròn	46.459	1,7823%	1,7823	
18	Xã Sông Đốc	46.353	1,7782%	1,7782	
19	Phường Vĩnh Trạch	42.716	1,6387%	1,6387	
20	Xã Vĩnh Hậu	41.899	1,6074%	1,6074	
21	Xã Châu Thới	41.663	1,5983%	1,5983	
22	Xã Khánh Hưng	41.212	1,5810%	1,5810	
23	Xã Long Điền	40.947	1,5709%	1,5709	
24	Xã Đông Hải	40.241	1,5438%	1,5438	
25	Xã Khánh Bình	39.823	1,5277%	1,5277	
26	Xã Khánh Lâm	38.880	1,4916%	1,4916	
27	Xã Hưng Mỹ	38.687	1,4842%	1,4842	
28	Xã Vĩnh Phước	38.662	1,4832%	1,4832	
29	Phường Hiệp Thành	38.370	1,4720%	1,4720	
30	Xã Thới Bình	38.116	1,4622%	1,4622	
31	Xã Đầm Dơi	38.106	1,4619%	1,4619	
32	Xã Nguyễn Phích	37.330	1,4321%	1,4321	
33	Xã Nguyễn Việt Khái	37.307	1,4312%	1,4312	
34	Xã Vĩnh Thanh	36.959	1,4179%	1,4179	
35	Xã Cái Đôi Vàm	36.444	1,3981%	1,3981	
36	Xã Biên Bạch	35.702	1,3696%	1,3696	
37	Xã Định Thành	35.564	1,3643%	1,3643	
38	Xã Tân Thuận	35.473	1,3609%	1,3609	
39	Xã Tân Lộc	35.450	1,3600%	1,3600	
40	Xã Phan Ngọc Hiền	35.328	1,3553%	1,3553	
41	Xã Tân Hưng	35.222	1,3512%	1,3512	
42	Xã Tân Tiến	33.994	1,3041%	1,3041	
43	Xã Phú Tân	33.381	1,2806%	1,2806	
44	Xã Đất Mũi	33.298	1,2774%	1,2774	
45	Xã Tạ An Khương	33.179	1,2728%	1,2728	
46	Xã U Minh	32.991	1,2656%	1,2656	
47	Xã Ninh Quới	32.661	1,2530%	1,2530	
48	Xã Gành Hào	31.552	1,2104%	1,2104	
49	Xã Năm Căn	30.135	1,1561%	1,1561	
50	Xã Trần Phán	29.949	1,1489%	1,1489	

51	Xã Hưng Hội	29.592	1,1352%	1,1352	Nhóm dưới 30.000 dân số: Hds = 50 điểm
52	Xã Vĩnh Lợi	29.035	1,1139%	1,1139	
53	Xã Quách Phẩm	28.844	1,1065%	1,1065	
54	Xã Phong Hiệp	28.710	1,1014%	1,1014	
55	Xã An Trạch	28.412	1,0900%	1,0900	
56	Xã Đất Mới	27.683	1,0620%	1,0620	
57	Xã Hồ Thị Kỳ	27.283	1,0467%	1,0467	
58	Xã Khánh An	27.170	1,0423%	1,0423	
59	Xã Thanh Tùng	26.573	1,0194%	1,0194	
60	Xã Phú Mỹ	26.205	1,0053%	1,0053	
61	Xã Ninh Thạnh Lợi	24.791	0,9511%	0,9511	
62	Xã Vĩnh Lộc	24.009	0,9211%	0,9211	
63	Xã Tân Ân	23.787	0,9125%	0,9125	
64	Xã Tam Giang	23.277	0,8930%	0,8930	
Tổng	64 xã, phường	2.606.672	100,00%	100,00	

Ghi chú:

- Theo Điều 4 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh có quy mô dân số từ 2 triệu đến dưới 3 triệu người được xác định 100 điểm theo tiêu chí quy mô dân số ($H_{ds} = 100$ điểm)
- Trên cơ sở quỹ 100 điểm, điểm quy mô dân số của từng xã, phường được xác định theo tỷ trọng dân số của từng đơn vị trong tổng dân số 2.606.672 người: $\text{Điểm dân số} = \text{Dân số xã, phường} / 2.606.672 \times 100$ điểm.
- Tổng dân số của 64 đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Cà Mau là 2.606.672 người, theo quy định tại khoản 22, Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2025